TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-09-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Võ Tấn Phước

2/- Ông Lê Việt Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 09 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 05 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 07 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Xanh N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp V, thị trấn K, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh Trương Thanh B, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp V, thị trấn K, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(*Chị N có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 05 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Xanh N trình bày: Chị Trần Xanh N và anh Trương Thanh B xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình chung sống chị N và anh B có 02 (hai) con chung tên: Trương Hưng T, sinh ngày 03/04/2005; Trương Ngọc B1, sinh ngày 27/12/2010. Hiện cháu T đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu B1 đang sống cùng với chị N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị N và anh B là do anh B thường xuyên nhậu nhẹt, đập phá đồ đạc trong gia đình, không chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị N và anh B đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau và hiện tại, chị N không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh B.

Nay, chị Trần Xanh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Trương Thanh B; Về con chung là cháu Trương Hưng T, sinh ngày 03/04/2005 và cháu Trương Ngọc B1, sinh ngày 27/12/2010. Hiện cháu T đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu B1 đang sống cùng với chị N thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Ngọc B1, sinh ngày 27/12/2010, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị N không còn có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 18 tháng 07 năm 2023 và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Trương Thanh B trình bày: Anh thống nhất theo trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay anh B không đồng ý ly hôn với chị Trần Xanh N vì anh vẫn còn thương chị N và các con, nên những vấn đề khác anh cũng không đồng ý. Trường hợp Tòa án xử cho chị N ly hôn với anh B thì ý kiến của anh về con chung như sau: Qúa trình chung sống anh B và chị N có 02 (hai) con chung gồm: Cháu Trương Hưng T, sinh ngày 03/04/2005 và cháu Trương Ngọc B1, sinh ngày 27/12/2010. Hiện cháu T đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu B1 đang sống cùng với chị N thì anh B đồng ý giao con chung là cháu Trương Ngọc B1, sinh ngày 27/12/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh B không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Xanh N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Ngọc B1, sinh ngày 27/12/2010 cho chị Trần Xanh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Anh B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí: Chị Trần Xanh N phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Trần Xanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trương Thanh B, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trương Thanh B hiện đang sinh sống và cư trú tại Ấp V, thị trấn K, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, chị Trần Xanh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Trương Thanh B vắng mặt. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh B để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị N và anh B theo quy định, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh B xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 14/03/2005. Vì thế, hôn nhân giữa chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh B là do anh B thường xuyên nhậu nhẹt, đập phá đồ đạc trong gia đình, không chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, chị N và anh B đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh B.

Còn anh B xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh B và chị N là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, anh B và chị N đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được do chị N không còn tình cảm với anh B. Trước yêu cầu ly hôn của chị N thì anh B không đồng ý ly hôn với chị N vì anh B xác định anh vẫn còn thương chị N và các con.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị N và anh B không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà vợ chồng lại xảy ra xung đột, cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị N và anh B phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh B không đồng ý ly hôn với chị N, nhưng anh B cũng không đưa ra được bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Trong khi đó, suốt quá trình giải quyết vụ án, chị N vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh B, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Xanh N đối với anh Trương Thanh B.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị N và anh B có 02 (hai) con chung tên: Trương Hưng T, sinh ngày 03/04/2005 và Trương Ngọc B1, sinh ngày 27/12/2010. Hiện cháu T đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu B1 đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu B1.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa*

vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Xét thấy, tại thời điểm giải quyết, cháu B1 đã đủ 07 tuổi trở lên, nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu B1 để giao cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu B1(BL 30), cháu B1 có nguyện vọng được sống cùng với chị N, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu B1, đồng thời, anh B cũng đồng ý giao cháu B1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hơn nữa, cháu B1 hiện đang sống ổn định cùng với chị N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu B1, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu B1 ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu, nên cần tiếp tục giao cháu B1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do chị N không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của chị N, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh B thống nhất xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Xanh N đối với anh Trương Thanh B, xử cho ly hôn giữa chị Trần Xanh N và anh Trương Thanh B

2/- Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Ngọc B1, sinh ngày 27/12/2010 cho chị Trần Xanh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trương Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Xanh N không yêu cầu.

Anh Trương Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Xanh N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011586 ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên